

MST: 0100109949

Số: 88 /BC

Hà nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LUƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp năm 2019

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

Tiền lương trả cho người lao động theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ. Công ty xây dựng quy chế trả lương theo vị trí, chức danh công việc, bảo đảm trả lương thỏa đáng đối với người có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho công ty.

Tiền thưởng của người lao động được thực hiện theo quy chế thưởng của công ty gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Tiền lương, thưởng trả cho người quản lý doanh nghiệp theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

Tiền thưởng của người quản lý công ty được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành công ty.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: 5.862 triệu đồng

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: 922,4 triệu đồng

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động:

Theo quy chế lương, thưởng của công ty

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

Theo quy chế lương, thưởng của công ty

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2019 | | Năm báo cáo 2020 |
|------------|---|---------------------|-------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| I | HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP | | Hạng II | | |
| II | TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG | | | | |
| 1 | Lao động | Người | 51 | 48 | 47 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | 1.000 đ/tháng | 9.579 | 11.223 | 7.119 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 5.862 | 6.465 | 4.015 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Triệu đồng | 1.465 | 1.616 | 1.004 |
| 5 | Thu nhập bình quân | 1. 000 đ/tháng | 11.972 | 14.028 | 8.899 |
| III | TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP | | | | |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp | Người | 4 | 4 | 4 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Triệu đồng/tháng | 22 | 22 | 22 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 922,4 | 1.022 | 851 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Triệu đồng/tháng | 19,21 | 21,30 | 17,73 |
| 5 | Quỹ tiền thưởng | Triệu đồng | 115,25 | 127 | 106 |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng | 1.037 | 1.149 | 957 |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệu đồng/tháng | 21,66 | 23,93 | 19,93 |



Hàn Quang Vinh



[Handwritten signature over the stamp]

[Handwritten signature below the stamp]